

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-5-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Ngọc Linh  
Ông Trần Nhị Hường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

\* *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hữu T, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị L và anh T tự nguyện về chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh tình hay so đo với chị L về tiền bạc. Anh T có tình cảm với người khác khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau làm tình cảm không còn đã không còn. Từ tháng 02/2022, chị L và anh T đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị L thấy hôn nhân không hạnh phúc, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị L có 01 người con tên Huỳnh Lê Gia B – sinh ngày 06/12/2015. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/02/2022, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Tại đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện và đơn xin vắng mặt ngày 08/4/2022, chị L đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022, bị đơn anh Huỳnh Hữu T trình bày:*

Anh T và chị L tự nguyện về chung sống với nhau vào khoảng năm 2013, 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2014. Trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con tên Huỳnh Lê Gia B. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Hữu T cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T và chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T và chị L theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: Anh T và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2014. Mặc dù anh T cho rằng giữa 02 vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị L xác định 02 vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau. Chị L yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Đây là sự tự nguyện của cả các bên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh T.

Về con chung: chị L và anh T có 01 người con tên Huỳnh Lê Gia B – sinh ngày 06/12/2015. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con chung, chị L đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con nên cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Huỳnh Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2014 ngày 15/10/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Lê Gia B – sinh ngày 06/12/2015 cho anh Huỳnh Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013749 ngày 25/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

### 3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Minh Hải**